Thống kê các vụ điều tra tự vệ do Việt Nam tiến hành với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu
Lists of safeguard case conducted by Vietnam Authority against foreign imports
Thời gian cập nhật/Lastest Update: 19/07/2021

Nguồn: Hội đồng tư vấn về Phòng vệ thương mại - VCCI
Source: Trade Remedies Council - VCCI

Năm/ Year	STT/ No.	Mã vụ việc/ Code	Sản phẩm kiện	Investigated product	Mã HS/ HS code	Bên đệ đơn/ Petitioner	Ngày khởi xướng/ Initiated date	Quá trình điều tra/ Investigation period							Ghi chú/ Note		
								Quyết định khởi kiện/ Initiated Decision	Biện pháp tạm thời/ Provisional measure			Biện pháp cuối cùng/ Final measure					
									Quyết định/ Decision	Biên độ/ Margin	Thời gian/ Time	Quyết định/ Decision	Biên độ/ Margin	Thời gian/ Time			
2017	**6**	SG06	Phân bón	Fertilizer	3105.10.90; 3105.30.00; 3105.40.00; 3105.51.00; 3105.59.00; 3105.90.00.	Công ty cổ phần DAP - Vinachem/DAP VINACHEM JSC, Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem/DAP2 -VINACHEM JOINT STOCK COMPANY	12/05/2017	Quyết định số 16824/QĐ-BCT ngày 12/5/2017 / Decision No.16824/QĐ-BCT on 12 May 2017	Quyết định 3044/QĐ-BCT ngày 4/8/2017/ Decision No.3044/QĐ-BCT on 4 Aug 2017	1.128.531 đồng/tấn/ VND/ton	19/08/2017-06/03/2018	Quyết định 686/QĐ-BCT ngày 02/03/2018/ Decision No.686/QĐ-BCT on 2 Mar 2018	07/03/2018-06/03/2019: 1.128.531 đồng/tấn(VND/Ton); 07/03/2019-06/03/2020: 1.072.104 đồng/tấn(VND/Ton)	07/03/2018-06/03/2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Đang rà soát cuối kỳ	
2016	**5**	SG05	Tôn màu	Pre – Painted Galvanized Iron	7210.7010, 7210.7090, 7212.4010, 7212.4020, 7212.4090, 7225.9990, 7226.9919, 7226.9999	Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, Công ty cổ phần thép Nam Kim và Công ty cổ phần Tôn Đông Á	06/07/2016	Quyết định số 2847/QĐ-BCT ngày 06/07/2016/ Decision No.2847/QĐ-BCT on 06 Jul 2016				Quyết định 1931/QĐ-BCT ngày 31/05/2017/ Decision No.1931/QĐ-BCT on 31 May 2017	Hạn ngạch thuế quan/ Tariff quota	15/06/2017-14/06/2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Chấm dứt hiệu lực biện pháp tự vệ, không tiến hành rà soát cuối kỳ	
2018	Điều tra chống lẩn tránh thuế/ Anti-circumvention investigation	AC01.SG04	Thép dây, thép cuộn	Steel wire, rolled steel	7213.91.90, 7213.99.90, 7217.10.10, 7217.10.29, 7229.90.99, 9839.10.00 và 9839.20.00	Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	26/07/2018	Quyết định số 2622/QĐ-BCT ngày 26.07.2018 / Decision No.2622/QĐ-BCT on 26 Jul 2018				Quyết định 1230/QĐ-BCT ngày 13/5/2019 /Decision No.1230/QĐ-BCT on 13 May 2019	10,9%	28/05/2019 - 21/03/2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Quyết định gia hạn thuế chống lẩn tránh Số 920/QĐ-BCT ngày: 20/3/2020 Giảm dần từ 9.4% về 0% 22/3/2020 - 22/3/2023	
2015	**4**	SG04	Phôi thép và thép dài	Billet Steel and Long Steel	7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.00; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát; Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam; Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên; Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	25/12/2015	Quyết định số 14296/QĐ-BCT ngày 25/12/2015 / Decision No.14296/QĐ-BCT on 25 Dec 2015	Quyết định số 862/QĐ-BCT ngày 07/03/2016/ Decision No.862/QĐ-BCT on 07 Mar 2016	23,3% dưới dạng thuế nhập khẩu với phôi thép; 14,2% dưới dạng thuế nhập khẩu với thép dài/ 23.3% of additonal import tariff for steel billets; 14.2% of additonal import tariff for long steel	22/03/2016 - 02/08/2016	Quyết định 2968/QĐ-BCT ngày 18/07/2016/ Decision No.2968/QĐ-BCT on 18 Jul 2016	Từ 23,3% về dần 0% dưới dạng thuế nhập khẩu với phôi thép; Từ 15,4% về dần 0% dưới dạng thuế nhập khẩu với thép dài/ From 23.3% to 0% of additonal import tariff for steel billets; From 14.2% to 0% of additonal import tariff for long steel	02/08/2016 - 21/03/2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Quyết định kết quả rà soát giữa kỳ Số 4086/QĐ-BCT ngày: 30/10/2018 Thuế tự vệ với (i) Thép dài: 0-12,4%; (ii) Phôi thép: 0-19,3% Thời gian hiệu lực: 22/03/2018 - 22/03/2020	Quyết định gia hạn thuế tự vệ Số 918/QĐ-BCT ngày: 20/3/2020 Thuế tự vệ với (i) Thép dài: 9,4% về 0%; (ii) Phôi thép: 15,3% về 0% Thời gian hiệu lực: 22/03/2020 - 22/03/2023
2015	**3**	SG03	Bột ngọt	Monosodium Glutamate	2922.42.20	Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	9/6/2015	Quyết định số 9269/QĐ-BCT ngày 01/09/2015/ Decision No.9269/QĐ-BCT on 01 Sep 2015				Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 10/03/2016/ Decision No.920/QĐ-BCT on 10 Mar 2016	25/03/2016 - 24/03/2017: 4.390.999 đồng/tấn(VND/Tons); 25/03/2017 - 24/03/2018: 3.951.899 đồng/tấn(VND/Tons); 25/03/2018 - 24/03/2019: 3.556.710 đồng/tấn(VND/Tons); 25/03/2019 - 24/03/2020: 3.201.039 đồng/tấn(VND/Tons); Từ ngày 25/03/2020 trở đi/From March 25, 2020 onwards : 0 đồng/tấn(VND/Tons)	25/03/2016 - 25/03/2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Quyết định kết quả rà soát giữa kỳ Số 4085/QĐ-BCT ngày: 30/10/2018 Thuế tự vệ Thời gian hiệu lực: 14/11/2018 - 24/03/2020	
2012	**2**	SG02	Dầu thực vật, Dầu mành tinh luyện, dầu stearin tinh luyện và dầu olein tinh luyện	Vegetable Oil	1507.90.90; 1511.90.91; 1511.90.92; 1511.90.99	Tổng Công ty Dầu Thực vật (VOCARIMEX)	30/11/2012	Quyết định 7968/QĐ-BCT ngày 26/12/2012/ Decision No.7968/QĐ-BCT on 26 Dec 2012	Quyết định 2564 QĐ-BCT ngày 22/04/2013/ Decision No.2564/QĐ-BCT on 22 Apr 2013	5%	06/05/2013 - 06/09/2013	Quyết định 5987/QĐ-BCT ngày 07/09/2013/ Decision No.5987/QĐ-BCT on 07 Sep 2013	07/5/2013 - 06/5/2014 5% 07/5/2014 - 06/5/2015 4% 07/5/2015 - 06/5/2016 3% 07/5/2016 - 06/5/2017 2%	06/09/2013 - 06/05/2017	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details		
2009	**1**	SG01	Kính nổi	Float glass (clear and tinted) with thickness equal or less than 12mm	7005.29.90.00; 7005.21.90.00	Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (VIGLACERA)	25/05/2009	Quyết định số 3329/QĐ-BCT ngày 01/07/2009/ Decision No.3329/QĐ-BCT on 01 Jul 2009				Quyết định số 890/QĐ-BCT ngày 23/02/2010/ Decision No.890/QĐ-BCT on 23 Feb 2010			Chấm dứt điều tra và không áp đặt biện pháp tự vệ đối với mặt hàng kính nổi nhập khẩu/ Terminated without impose safeguard measures on importe float glass		
			Tổng số vụ/Total	**6**													